

Số: /QĐ-SYT

Kon Tum, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Điều chỉnh Giấy phép hoạt động do bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 01/11/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Kế hoạch số 1904/KH-SYT ngày 24/5/2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum thẩm định các cơ sở đề nghị cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đợt 03/2025.

Căn cứ Thông báo số 2138/TB-SYT ngày 09/6/2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum Về việc bổ sung thành viên Đoàn thẩm định và cơ sở thẩm định đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tại Kế hoạch số 1904/KH-SYT.

Căn cứ Hồ sơ số H34.16-250604-0003 ngày 04/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô về việc Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 17/6/2025 của Đoàn thẩm định Sở Y tế về cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 228 kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Cơ sở có tên tại Điều 1 có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện cơ sở hạ tầng, thiết bị, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để đảm bảo hoạt động theo phạm vi chuyên môn được phê duyệt; tuân thủ quy định của Luật

Khám bệnh, chữa bệnh và quy trình chuyên môn kỹ thuật của Bộ Y tế; đảm bảo an toàn cho người bệnh.

Điều 3. Trưởng các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Thanh

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN PHÊ DUYỆT TẠI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /6/2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
1	2.112	Siêu âm doppler mạch máu	Nội khoa
2	2.479	Nghiệm pháp đánh giá rối loạn nuốt tại giường cho người bệnh tai biến mạch máu não	Nội khoa
3	2.642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều	Nội khoa
4	3.267	Liệu pháp lao động	Nhi khoa
5	3.270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	Nhi khoa
6	3.1690	Cắt chỉ khâu kết mạc	Nhi khoa
7	3.2118	Chọc hút dịch tủy huyết vành tai	Nhi khoa
8	3.2121	Trích rạch màng nhĩ	Nhi khoa
9	3.2175	Chích áp xe thành sau họng	Nhi khoa
10	8.1	Mai hoa châm	Y học cổ truyền
11	8.2	Hào châm	Y học cổ truyền
12	8.3	Mãng châm	Y học cổ truyền
13	8.8	Ôn châm	Y học cổ truyền
14	8.9	Cứu	Y học cổ truyền
15	8.10	Chích lễ	Y học cổ truyền
16	8.15	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Y học cổ truyền
17	8.20	Xông hơi thuốc	Y học cổ truyền
18	8.21	Xông khói thuốc	Y học cổ truyền
19	8.23	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Y học cổ truyền
20	8.24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Y học cổ truyền
21	8.27	Chườm ngải	Y học cổ truyền
22	8.28	Luyện tập dưỡng sinh	Y học cổ truyền
23	8.114	Điện mãng châm điều trị hội chứng thất lưng-hông	Y học cổ truyền
24	8.116	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Y học cổ truyền
25	8.117	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	Y học cổ truyền
26	8.119	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	Y học cổ truyền
27	8.121	Điện mãng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	Y học cổ truyền
28	8.122	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	Y học cổ truyền
29	8.123	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	Y học cổ truyền
30	8.127	Điện mãng châm điều trị thống kinh	Y học cổ truyền

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
31	8.128	Điện mẫn châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Y học cổ truyền
32	8.129	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình	Y học cổ truyền
33	8.130	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy	Y học cổ truyền
34	8.131	Điện mẫn châm điều trị hen phế quản	Y học cổ truyền
35	8.132	Điện mẫn châm điều trị huyết áp thấp	Y học cổ truyền
36	8.133	Điện mẫn châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Y học cổ truyền
37	8.135	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Y học cổ truyền
38	8.137	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh V	Y học cổ truyền
39	8.138	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Y học cổ truyền
40	8.139	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	Y học cổ truyền
41	8.141	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên	Y học cổ truyền
42	8.142	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới	Y học cổ truyền
43	8.151	Điện mẫn châm điều trị viêm mũi xoang	Y học cổ truyền
44	8.152	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Y học cổ truyền
45	8.154	Điện mẫn châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	Y học cổ truyền
46	8.155	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai	Y học cổ truyền
47	8.156	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	Y học cổ truyền
48	8.157	Điện mẫn châm điều trị đau lưng	Y học cổ truyền
49	8.158	Điện mẫn châm điều trị di tinh	Y học cổ truyền
50	8.159	Điện mẫn châm điều trị liệt dương	Y học cổ truyền
51	8.160	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Y học cổ truyền
52	8.162	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	Y học cổ truyền
53	8.163	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	Y học cổ truyền
54	8.164	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	Y học cổ truyền
55	8.165	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	Y học cổ truyền
56	8.166	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	Y học cổ truyền
57	8.169	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu	Y học cổ truyền
58	8.170	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	Y học cổ truyền
59	8.177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Y học cổ truyền
60	8.180	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	Y học cổ truyền
61	8.182	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Y học cổ truyền
62	8.183	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	Y học cổ truyền
63	8.186	Điện nhĩ châm điều trị di tinh	Y học cổ truyền
64	8.187	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	Y học cổ truyền
65	8.188	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Y học cổ truyền

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
66	8.194	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	Y học cổ truyền
67	8.195	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Y học cổ truyền
68	8.196	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Y học cổ truyền
69	8.199	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Y học cổ truyền
70	8.200	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Y học cổ truyền
71	8.201	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	Y học cổ truyền
72	8.202	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Y học cổ truyền
73	8.209	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	Y học cổ truyền
74	8.212	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Y học cổ truyền
75	8.215	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Y học cổ truyền
76	8.216	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Y học cổ truyền
77	8.217	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Y học cổ truyền
78	8.218	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	Y học cổ truyền
79	8.219	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	Y học cổ truyền
80	8.221	Điện nhĩ châm điều trị liệt rãnh, đám rối dây thần kinh	Y học cổ truyền
81	8.222	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Y học cổ truyền
82	8.226	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Y học cổ truyền
83	8.227	Điện nhĩ châm điều trị chứng tíc cơ mặt	Y học cổ truyền
84	8.230	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Y học cổ truyền
85	8.247	Cây chỉ điều trị hen phế quản	Y học cổ truyền
86	8.250	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Y học cổ truyền
87	8.252	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn	Y học cổ truyền
88	8.254	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Y học cổ truyền
89	8.255	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Y học cổ truyền
90	8.256	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	Y học cổ truyền
91	8.259	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	Y học cổ truyền
92	8.260	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá	Y học cổ truyền
93	8.262	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang	Y học cổ truyền
94	8.263	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	Y học cổ truyền
95	8.264	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài	Y học cổ truyền
96	8.269	Cây chỉ điều trị đái dầm	Y học cổ truyền
97	8.270	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	Y học cổ truyền
98	8.271	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	Y học cổ truyền
99	8.272	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh	Y học cổ truyền
100	8.273	Cây chỉ điều trị sa tử cung	Y học cổ truyền
101	8.274	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Y học cổ truyền
102	8.275	Cây chỉ điều trị di tinh	Y học cổ truyền
103	8.276	Cây chỉ điều trị liệt dương	Y học cổ truyền
104	8.277	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	Y học cổ truyền

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
105	8.297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Y học cổ truyền
106	8.462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Y học cổ truyền
107	8.463	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Y học cổ truyền
108	8.468	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Y học cổ truyền
109	8.472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Y học cổ truyền
110	8.475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Y học cổ truyền
111	8.476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Y học cổ truyền
112	8.478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	Y học cổ truyền
113	8.484	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy	Y học cổ truyền
114	8.485	Giác hơi	Y học cổ truyền
115	9.333	Gây mê phẫu thuật cắt chấp có bọc	Gây mê hồi sức
116	9.348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	Gây mê hồi sức
117	9.369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	Gây mê hồi sức
118	9.370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	Gây mê hồi sức
119	9.371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	Gây mê hồi sức
120	9.381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	Gây mê hồi sức
121	9.383	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	Gây mê hồi sức
122	9.427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú.	Gây mê hồi sức
123	9.432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	Gây mê hồi sức
124	9.450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	Gây mê hồi sức
125	9.526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu	Gây mê hồi sức
126	9.528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	Gây mê hồi sức
127	9.560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	Gây mê hồi sức
128	9.561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	Gây mê hồi sức
129	9.562	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	Gây mê hồi sức
130	9.577	Gây mê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	Gây mê hồi sức
131	9.757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	Gây mê hồi sức
132	9.758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	Gây mê hồi sức
133	9.759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	Gây mê hồi sức
134	9.760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	Gây mê hồi sức
135	9.761	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	Gây mê hồi sức
136	9.762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Gây mê hồi sức

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
137	9.785	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	Gây mê hồi sức
138	9.786	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	Gây mê hồi sức
139	9.794	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	Gây mê hồi sức
140	9.856	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	Gây mê hồi sức
141	9.892	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên	Gây mê hồi sức
142	9.895	Gây mê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	Gây mê hồi sức
143	9.924	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	Gây mê hồi sức
144	9.925	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	Gây mê hồi sức
145	9.926	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	Gây mê hồi sức
146	9.932	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	Gây mê hồi sức
147	9.933	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay (Gãy cổ xương quay)	Gây mê hồi sức
148	9.934	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay phức tạp	Gây mê hồi sức
149	9.935	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay	Gây mê hồi sức
150	9.936	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Gây mê hồi sức
151	9.938	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II thân xương cánh tay	Gây mê hồi sức
152	9.945	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở III thân hai xương cẳng tay	Gây mê hồi sức
153	9.946	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	Gây mê hồi sức
154	9.949	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	Gây mê hồi sức
155	9.951	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Gây mê hồi sức
156	9.954	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	Gây mê hồi sức
157	9.955	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	Gây mê hồi sức
158	9.963	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	Gây mê hồi sức
159	9.965	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	Gây mê hồi sức
160	9.967	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay	Gây mê hồi sức

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
161	9.971	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	Gây mê hồi sức
162	9.973	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	Gây mê hồi sức
163	9.974	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	Gây mê hồi sức
164	9.982	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	Gây mê hồi sức
165	9.985	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương cánh tay	Gây mê hồi sức
166	9.987	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân	Gây mê hồi sức
167	9.989	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	Gây mê hồi sức
168	9.991	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên	Gây mê hồi sức
169	9.3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	Gây mê hồi sức
170	9.3577	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	Gây mê hồi sức
171	9.3582	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Gây mê hồi sức
172	10.549	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	Ngoại khoa
173	10.550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	Ngoại khoa
174	10.772	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Ngoại khoa
175	10.780	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	Ngoại khoa
176	10.784	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	Ngoại khoa
177	10.785	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	Ngoại khoa
178	10.791	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân	Ngoại khoa
179	10.792	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	Ngoại khoa
180	10.793	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai xương cẳng chân	Ngoại khoa
181	10.794	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II hai xương cẳng chân	Ngoại khoa
182	10.815	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	Ngoại khoa
183	10.816	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay	Ngoại khoa
184	10.817	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	Ngoại khoa
185	10.820	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Ngoại khoa
186	10.832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	Ngoại khoa

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
187	10.843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Ngoại khoa
188	10.963	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)	Ngoại khoa
189	10.964	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)	Ngoại khoa
190	10.984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	Ngoại khoa
191	BS_10.1273	Cắt phimosis	Ngoại khoa
192	BS_10.1274	Thay băng	Ngoại khoa
193	BS_10.1275	Cắt chỉ	Ngoại khoa
194	BS_10.1276	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Ngoại khoa
195	BS_13.248	Cấy - tháo thuốc tránh thai	1 Phụ sản
196	15.50	Trích rạch màng nhĩ	Tai mũi họng
197	15.142	Cầm máu mũi bằng Merocel	Tai mũi họng
198	15.145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat)	Tai mũi họng
199	15.146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	Tai mũi họng
200	17.45	Tập đi với bàn xương cá	Phục hồi chức năng
201	17.47	Tập lên, xuống cầu thang	Phục hồi chức năng
202	17.48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gỗ ghê...)	Phục hồi chức năng
203	17.55	Tập vận động tự do tứ chi	Phục hồi chức năng
204	17.63	Tập với thang tường	Phục hồi chức năng
205	17.65	Tập với ròng rọc	Phục hồi chức năng
206	17.66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Phục hồi chức năng
207	17.70	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Phục hồi chức năng
208	17.71	Tập với xe đạp tập	Phục hồi chức năng
209	17.85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Phục hồi chức năng
210	17.122	Thử cơ bằng tay	Phục hồi chức năng
211	17.123	Đo tầm vận động khớp	Phục hồi chức năng
212	17.168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	Phục hồi chức năng
213	18.7	Siêu âm qua thóp	Điện quang
214	18.8	Siêu âm nhãn cầu	Điện quang
215	23.173	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Hóa sinh
216	23.188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	Hóa sinh

STT	Mã kỹ thuật	Tên kỹ thuật theo TT23/2024	Chuyên ngành
217	23.193	Định tính Opiate (test nhanh)	Hóa sinh
218	23.195	Định tính Codein (test nhanh)	Hóa sinh
219	24.130	HBeAg test nhanh	Vi sinh - ký sinh trùng
220	24.133	HBeAb test nhanh	Vi sinh - ký sinh trùng
221	24.163	HEV Ab test nhanh	Vi sinh - ký sinh trùng
222	24.170	HIV Ag/Ab test nhanh	Vi sinh - ký sinh trùng
223	24.185	Dengue virus IgA test nhanh	Vi sinh - ký sinh trùng
224	24.268	Trứng giun soi tập trung	Vi sinh - ký sinh trùng
225	24.289	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	Vi sinh - ký sinh trùng
226	24.291	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	Vi sinh - ký sinh trùng
227	24.28	Xét nghiệm Mycobacterium Tuberculosis Định danh và kháng RMP Xpert	Vi sinh - ký sinh trùng
228	24.113	Virus Xpert	Vi sinh - ký sinh trùng
TỔNG CỘNG: 228 kỹ thuật			